Giải trí bằng tiếng Đức

147 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	**das Lampenfieber** B1 /das 'lampn̩ˌfiːbɐ/	Sợ sân khấu	C1
2	**Stumm** B1 /ʃtʊm/	Không có tiếng	B1–B2
3	**die Science-Fiction** B1 /diː 'saɪ̯ənsˌfɪkʃn̩/	Khoa học viễn tưởng	B1–B2
4	**der Dokumentarfilm** B1 /deːɐ̯ dokumɛn'taːɐ̯ˌfɪlm/ số nhiều die Dokumentarfilme	Phim tài liệu	B1–B2
5	**die Live-Sendung** B1 /diː 'laɪfˌzɛndʊŋ/ số nhiều die Live-Sendungen	Chương trình phát sóng trực tiếp	B1–B2
6	**die Reality-Show** B1 /diː ʁi'ɛlɪtiˌʃoː/ số nhiều die Reality-Shows	Chương trình truyền hình thực tế	B1–B2
7	**der Spielfilm** B1 /deːɐ̯ 'ʃpiːlˌfɪlm/ số nhiều die Spielfilme	Phim truyện	B1–B2
8	**der Animationsfilm** B1 /deːɐ̯ animaˈtsi̯oːnsˌfɪlm/ số nhiều die Animationsfilme	Phim hoạt hình	B1–B2
9	**das Ticket** A1 /das 'tɪkət/ số nhiều die Tickets	Vé	A1–A2
10	**die Einschaltquote** B2 /diː 'ʔaɪ̯nʃaltˌkvoːtə/ số nhiều die Einschaltquoten	Tỷ suất người xem	C1
11	**die Gage** B2 /diː 'gaːʒə/ số nhiều die Gagen	Cát-sê nghệ sĩ	C1
12	**Programmkino** B2 /pʁo'gʁamˌkiːno/ das · số nhiều die Programmkinos	Rạp chiếu phim nghệ thuật	C1
13	**das Kino** A1 /das 'kiːno/ số nhiều die Kinos	Rạp chiếu phim	A1–A2
14	**der Film** A1 /deːɐ̯ 'fɪlm/ số nhiều die Filme	Phim ảnh	A1–A2
15	**die Serie** A2 /diː 'zeːʁi̯ə/ số nhiều die Serien	Loạt phim	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
16	**das Programm** A1 /das pʁoˈgʁam/ số nhiều die Programme	Chương trình	A1–A2
17	**die Lautstärke** A2 /diː ˈlaʊ̯tˌʃtɛʁkə/ số nhiều die Lautstärken	Âm lượng	A1–A2
18	**der Eintritt** A2 /deːɐ̯ ˈʔaɪ̯ntʁɪt/ số nhiều die Eintritte	Vé vào cửa	A1–A2
19	**die Reihe** A2 /diː ˈʁaɪ̯ə/ số nhiều die Reihen	Hàng ngang	A1–A2
20	**der Platz** A1 /deːɐ̯ ˈplatsˌ/ số nhiều die Plätze	Chỗ	A1–A2
21	**die Cola** A1 /diː ˈkoːla/ số nhiều die Colas	Nước cola	A1–A2
22	**die Probeaufnahmen** B2 /diː ˈpʁoːbəˌʔaʊ̯fnaːmən/	Buổi thử vai	C1
23	**der Komparse** B2 /deːɐ̯ kɔmˈpaʁzə/ số nhiều die Komparsen	Diễn viên phụ họa	C1
24	**die Postproduktion** C1 /diː ˈpɔstpʁodʊkˌtsi̯oːn/ số nhiều die Postproduktionen	Hậu kỳ	C1
25	**die Werbung** A2 /diː ˈvɛʁbʊŋ/	Hoạt động quảng cáo	B1–B2
26	**die Synchronisation** B2 /diː zʏnkʁonizaˈtsi̯oːn/ số nhiều die Synchronisationen	Lồng tiếng	B1–B2
27	**die Spezialeffekte** B1 /diː ʃpeˈtsi̯aːlʔɛˌfɛktə/	Hiệu ứng đặc biệt	B1–B2
28	**der Schwenk** B2 /deːɐ̯ ˈʃvɛŋk/ số nhiều die Schwenks	Lia máy quay	C1
29	**die Außenaufnahme** C1 /diː ˈaʊ̯sənˌʔaʊ̯fnaːmə/ số nhiều die Außenaufnahmen	Cảnh quay ngoại cảnh	C1
30	**die Kameraführung** C1 /diː ˈkaməʁaˌfyːʁʊŋ/ số nhiều die Kameraführungen	Thao tác máy quay	C1
31	**die Totale** C1 /diː toˈtaːlə/ số nhiều die Totalen	Cảnh quay toàn	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
32	**der Rhythmus** B1 /deːɐ̯ ˈʁʏtmʊs/ số nhiều die Rhythmen	Nhịp điệu	B1–B2
33	**der Requisiteur** C1 /deːɐ̯ ʁekvizi'tøːɐ̯/ số nhiều die Requisiteure	Người quản lý đạo cụ	C1
34	**die Requisite** B2 /diː ʁekviˈziːtə/ số nhiều die Requisiten	Đạo cụ	C1
35	**der Schauspieler** A2 /deːɐ̯ ˈʃaʊ̯ˌʃpiːlɐ/ số nhiều die Schauspieler	Diễn viên	A1–A2
36	**die Schauspielerin** A2 /diː ˈʃaʊ̯ʃpiːləʁɪn/ số nhiều die Schauspielerinnen	Nữ diễn viên	A1–A2
37	**der Wetterbericht** A2 /deːɐ̯ ˈvɛtɐbəˌʁɪçt/ số nhiều die Wetterberichte	Bản tin thời tiết	A1–A2
38	**die Bühne** B1 /diː ˈbyːnə/ số nhiều die Bühnen	Sân khấu	B1–B2
39	**das Open-Air-Kino** B1 /das ˈoʊ̯pənˌɛːɐ̯ˌkiːno/ số nhiều die Open-Air-Kinos	Rạp chiếu phim ngoài trời	B1–B2
40	**die Fortsetzung** B1 /diː ˈfɔʁtˌzɛtsʊŋ/ số nhiều die Fortsetzungen	Phần tiếp theo	B1–B2
41	**der Regisseur** B1 /deːɐ̯ ʁeʒɪˈsøːɐ̯/ số nhiều die Regisseure	Đạo diễn	B1–B2
42	**der Blockbuster** B2 /deːɐ̯ ˈblɔkˌbastɐ/ số nhiều die Blockbuster	Phim bom tấn	B1–B2
43	**der Kultfilm** B2 /deːɐ̯ ˈkʊltˌfɪlm/ số nhiều die Kultfilme	Phim được sùng bái	B1–B2
44	**das Kostüm** A2 /das kɔsˈtyːm/ số nhiều die Kostüme	Trang phục sân khấu	B1–B2
45	**der Soundtrack** B1 /deːɐ̯ ˈsaʊ̯ntˌtʁɛk/ số nhiều die Soundtracks	Nhạc phim	B1–B2
46	**die Mediathek** B1 /diː mediaˈteːk/ số nhiều die Mediatheken	Thư viện phương tiện	B1–B2
47	**die Staffel** B1 /diː ˈʃtafl̩/ số nhiều die Staffeln	Mùa phim	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
48	**die Maske** A2 /di: 'maskə/ số nhiều die Masken	Mặt nạ	A1–A2
49	**das Popcorn** A2 /das 'pɔpkɔʁn/	Bỏng ngô	A1–A2
50	**die Komödie** B1 /di: ko'mø:d̯iə/ số nhiều die Komödien	Hài kịch	A1–A2
51	**der Krimi** A2 /de:ɐ̯ 'kʁɪmi/ số nhiều die Krimis	Phim trinh thám	A1–A2
52	**die Nachrichten** A2 /di: 'na:xˌʁɪçtn̩/	Tin tức	A1–A2
53	**der Autor** A2 /de:ɐ̯ 'aʊ̯to:ɐ̯/ số nhiều die Autoren	Tác giả	A1–A2
54	**die Kamera** A1 /di: 'kaməʁa/ số nhiều die Kameras	Máy ảnh	A1–A2
55	**die Aufnahme** B1 /di: 'aʊ̯fˌna:mə/ số nhiều die Aufnahmen	Cảnh quay	B1–B2
56	**der Hauptdarsteller** B1 /de:ɐ̯ 'haʊ̯ptˌda:ɐ̯ʃtɛlɐ/ số nhiều die Hauptdarsteller	Diễn viên chính	B1–B2
57	**das Abonnement** B1 /das ʔabɔnəˈmɑ̃:/ số nhiều die Abonnements	Hợp đồng đăng ký	B1–B2
58	**die Aufführung** B1 /di: 'aʊ̯fˌfy:ʁʊŋ/ số nhiều die Aufführungen	Buổi biểu diễn	B1–B2
59	**die Premiere** B1 /di: pʁe'mi̯e:ʁə/ số nhiều die Premieren	Buổi ra mắt	B1–B2
60	**der Fernseher** A1 /de:ɐ̯ 'fɛʁnˌze:ɐ/ số nhiều die Fernseher	TV	A1–A2
61	**die Fernbedienung** A2 /di: 'fɛʁnbəˌdi:nʊŋ/ số nhiều die Fernbedienungen	Điều khiển từ xa	A1–A2
62	**die Beleuchtung** B1 /di: bə'lɔi̯çtʊŋ/ số nhiều die Beleuchtungen	Chiếu sáng	B1–B2
63	**das Licht** A1 /das lɪçt/ số nhiều die Lichter	Ánh sáng	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
64	**der Ton** A2 /deːɐ̯ 'toːn/ số nhiều die Töne	Âm thanh nghe được	A1–A2
65	**der Untertitel** B1 /deːɐ̯ 'ʊntɐˌtiːtl̩/ số nhiều die Untertitel	Phụ đề	A1–A2
66	**die Pause** A1 /diː 'paʊ̯zə/ số nhiều die Pausen	Giờ giải lao	A1–A2
67	**OV** B1 /oːˈfaʊ̯/ die · số nhiều die OVs	Bản gốc	C1
68	**OmU** B1 /oː ɛm ˈʔuː/	Nguyên bản có phụ đề	C1
69	**die Regie** B2 /diː ʁeˈʒiː/	Sự đạo diễn	B1–B2
70	**das Drehbuch** B1 /das 'dʁeːˌbuːx/ số nhiều die Drehbücher	Kịch bản phim	B1–B2
71	**der Produzent** B1 /deːɐ̯ pʁoduˈt͡sɛnt/ số nhiều die Produzenten	Nhà sản xuất	B1–B2
72	**die Produktion** B1 /diː pʁodʊkˈtsi̯oːn/ số nhiều die Produktionen	Sản xuất	B1–B2
73	**der Darsteller** B1 /deːɐ̯ 'daːɐ̯ˌʃtɛlɐ/ số nhiều die Darsteller	người thể hiện vai diễn	B1–B2
74	**die Rezension** B2 /diː ʁe͡tsɛnˈzi̯oːn/ số nhiều die Rezensionen	Bài đánh giá	B1–B2
75	**die TV-Serie** A2 /diː teːˈfaʊ̯ˌzeːʁi̯ə/ số nhiều die TV-Serien	Phim truyền hình	A1–A2
76	**der Kanal** B1 /deːɐ̯ kaˈnaːl/ số nhiều die Kanäle	Kênh	A1–A2
77	**das Drama** B1 /das 'dʁaːma/ số nhiều die Dramen	Kịch	A1–A2
78	**der Horror** B1 /deːɐ̯ 'hɔʁoːɐ̯/	Kinh dị	A1–A2
79	**der Vorhang** A2 /deːɐ̯ 'foːɐ̯ˌhaŋ/ số nhiều die Vorhänge	Tấm màn	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
80	**der Sender** B1 /deːɐ̯ 'zɛndɐ/ số nhiều die Sender	Đài truyền hình	A1–A2
81	**der Trailer** B1 /deːɐ̯ 'tʁɛɪ̯lɐ/ số nhiều die Trailer	Đoạn phim giới thiệu	A1–A2
82	**der Cartoon** B2 /deːɐ̯ kaʁ'tuːn/ số nhiều die Cartoons	Phim hoạt hình	A1–A2
83	**der Thriller** B1 /deːɐ̯ 'θʁɪlɐ/ số nhiều die Thriller	Phim giật gân	A1–A2
84	**der Kurzfilm** B1 /deːɐ̯ 'kʊʁt͡sˌfɪlm/ số nhiều die Kurzfilme	Phim ngắn	A1–A2
85	**der Kinderfilm** A2 /deːɐ̯ 'kɪndɐˌfɪlm/ số nhiều die Kinderfilme	Phim thiếu nhi	A1–A2
86	**die Zuschauerzahl** B2 /diː 'tsuːʃaʊ̯ɐˌtsaːl/ số nhiều die Zuschauerzahlen	Số lượng khán giả	B1–B2
87	**das Pay-TV** B2 /das 'peɪ̯tiːˌviː/	Truyền hình trả tiền	A1–A2
88	**das Budget** B1 /das byˈdʒeː/ số nhiều die Budgets	Khoản ngân sách	B1–B2
89	**der Familienfilm** A2 /deːɐ̯ faˈmiːl̩iən̩ˌfɪlm/ số nhiều die Familienfilme	Phim gia đình	A1–A2
90	**3-D** B1 /ˌdʁaɪ̯ 'deː/	3-D	A1–A2
91	**das Studio** A2 /das 'ʃtuːdi̯o/ số nhiều die Studios	Phòng thu	A1–A2
92	**Zoom** B1 /zuːm/ der · số nhiều die Zooms	Phóng	A1–A2
93	**das Mikrofon** A2 /das mikʁoˈfoːn/ số nhiều die Mikrofone	Micrô	A1–A2
94	**die Filmmusik** B1 /diː 'fɪlm muˌziːk/ số nhiều die Filmmusiken	Nhạc phim	A1–A2
95	**der Filmpreis** B1 /deːɐ̯ 'fɪlmˌpʁaɪ̯s/ số nhiều die Filmpreise	Giải thưởng điện ảnh	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
96	**das Casting** B1 /das 'kaːstɪŋ/ số nhiều die Castings	Tuyển vai	B1–B2
97	**der Nebendarsteller** B2 /deːɐ̯ 'neːbənˌdaːɐ̯ʃtɛlɐ/ số nhiều die Nebendarsteller	Nam diễn viên phụ	B1–B2
98	**die Berlinale** B2 /diː bɛʁliˈnaːlə/	Liên hoan phim Berlin	B1–B2
99	**Standing Ovations** B2 /ˈstɛndɪŋ oʊˈveɪʃn̩s/ die	Vỗ tay hoan hô	B1–B2
100	**das Musikvideo** A2 /das muˈziːkˌviːdeo/ số nhiều die Musikvideos	Video âm nhạc	A1–A2
101	**die Action** B1 /diː ˈɛkʃn̩/	Phim hành động	A1–A2
102	**die Comedy** B1 /diː ˈkɔmədi/ số nhiều die Comedys	chương trình hài	A1–A2
103	**die Fantasy** B1 /diː ˈfɛntəzi/	Truyện giả tưởng	A1–A2
104	**die Casting-Show** B1 /diː ˈkaːstɪŋˌʃoʊ̯/ số nhiều die Casting-Shows	Chương trình tuyển diễn viên	A1–A2
105	**die Gameshow** B1 /diː ˈgeɪ̯mˌʃoː/ số nhiều die Gameshows	Chương trình trò chơi	A1–A2
106	**die Talkshow** B1 /diː ˈtɔːkˌʃoː/ số nhiều die Talkshows	Chương trình trò chuyện	A1–A2
107	**die CD** A1 /diː tseːˈdeː/ số nhiều die CDs	Đĩa CD	A1–A2
108	**die DVD** A2 /diː deːfaʊ̯ˈdeː/ số nhiều die DVDs	DVD	A1–A2
109	**Play** A1 /pleɪ̯/	Phát	A1–A2
110	**Stop** A1 /ʃtɔp/	Lệnh dừng	A1–A2
111	**der Oscar** B1 /deːɐ̯ ˈɔskaɐ̯/ số nhiều die Oscars	Oscar	A1–A2
112	**das Filmfestival** B1 /das ˈfɪlmˌfɛstivəl/ số nhiều die Filmfestivals	Liên hoan phim	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
113	**die Kritik** B1 /diː kʁiˈtiːk/	Sự chỉ trích	A1–A2
114	**das Streaming** B1 /das ˈstʁiːmɪŋ/	Phát trực tuyến	A1–A2
115	**die Episode** B1 /diː epiˈzoːdə/ số nhiều die Episoden	Tập phim	A1–A2
116	**der Historienfilm** B2 /deːɐ̯ hɪsˈtoːʁi̯ənˌfɪlm/ số nhiều die Historienfilme	Phim lịch sử	B1–B2
117	**der Stummfilm** B2 /deːɐ̯ ˈʃtʊmˌfɪlm/ số nhiều die Stummfilme	Phim câm	B1–B2
118	**der Indie-Film** B2 /deːɐ̯ ˈɪndiˌfɪlm/ số nhiều die Indie-Filme	Phim độc lập	B1–B2
119	**der Statist** B2 /deːɐ̯ ʃtaˈtɪst/ số nhiều die Statisten	Diễn viên quần chúng	B1–B2
120	**das Set** B2 /das ˈsɛt/ số nhiều die Sets	Phim trường	B1–B2
121	**der Drehort** B1 /deːɐ̯ ˈdʁeːˌʔɔʁt/ số nhiều die Drehorte	Địa điểm quay phim	B1–B2
122	**die Innenaufnahme** B2 /diː ˈʔɪnənˌʔaʊ̯fnaːmə/ số nhiều die Innenaufnahmen	Cảnh quay bên trong	B1–B2
123	**die Premierenfeier** B2 /diː pʁeˈmi̯eːʁənˌfaɪ̯ɐ/ số nhiều die Premierenfeiern	Tiệc ra mắt	B1–B2
124	**Visuelle Effekte** B2 /vizuˈɛlə ʔɛˈfɛktə/ der · số nhiều die visuellen Effekte	Hiệu ứng hình ảnh	B1–B2
125	**der Takt** B1 /deːɐ̯ ˈtakt/ số nhiều die Takte	Nhịp	B1–B2
126	**das Bühnenbild** B2 /das ˈbyːnənˌbɪlt/ số nhiều die Bühnenbilder	Thiết kế sân khấu	B1–B2
127	**die Kulisse** B2 /diː kuˈlɪsə/ số nhiều die Kulissen	Phông cảnh sân khấu	B1–B2
128	**Multiplex** C1 /ˈmʊltiˌplɛks/ das · số nhiều die Multiplexe	Cụm rạp	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
129	**das Autokino** B1 /das ˈʔaʊ̯toˌkiːno/ số nhiều die Autokinos	Rạp chiếu phim cho ô tô	B1–B2
130	**die Kinokette** B2 /diː ˈkiːnoˌkɛtə/ số nhiều die Kinoketten	Chuỗi rạp chiếu phim	B1–B2
131	**Reboot** B2 /ˈʁiːbuːt/ der · số nhiều die Reboots	Làm lại từ đầu	B1–B2
132	**Spin-off** B2 /ˈspɪnʔɔf/ das · số nhiều die Spin-offs	Phim ngoại truyện	B1–B2
133	**der Cliffhanger** B2 /deːɐ̯ ˈklɪfˌhɛŋɐ/ số nhiều die Cliffhanger	Kết thúc gây cấn	B1–B2
134	**der Zuschauerraum** B2 /deːɐ̯ ˈtsuːʃaʊ̯ɐˌʁaʊ̯m/ số nhiều die Zuschauerräume	Khán phòng	B1–B2
135	**das Stuntdouble** B2 /das ˈstantˌdabl̩/ số nhiều die Stuntdoubles	Diễn viên thế thân	B1–B2
136	**der Stuntman** B2 /deːɐ̯ ˈstantmɛn/ số nhiều die Stuntmen	Diễn viên đóng thế	B1–B2
137	**die Stuntfrau** B2 /diː ˈstantˌfʁaʊ̯/ số nhiều die Stuntfrauen	Nữ diễn viên đóng thế	B1–B2
138	**der Abspann** B2 /deːɐ̯ ˈapˌʃpan/ số nhiều die Abspänne	Phần giới thiệu cuối phim	B1–B2
139	**der Vorspann** B2 /deːɐ̯ ˈfoːɐ̯ˌʃpan/ số nhiều die Vorspänne	Phần mở đầu	B1–B2
140	**der Rang** B2 /deːɐ̯ ˈʁaŋ/ số nhiều die Ränge	Tầng lửng khán phòng	B1–B2
141	**die Loge** B2 /diː ˈloːʒə/ số nhiều die Logen	Lô ghế trong nhà hát	B1–B2
142	**die Einstellung** C1 /diː ˈʔaɪ̯nʃtɛlʊŋ/ số nhiều die Einstellungen	Cỡ cảnh	B1–B2
143	**die Nahaufnahme** B2 /diː ˈnaːˌʔaʊ̯fnaːmə/ số nhiều die Nahaufnahmen	Cận cảnh	B1–B2
144	**Green-Screen** B2 /ˈgʁiːnˌskʁiːn/ der · số nhiều die Green-Screens	Phông xanh	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
145	**der Schnitt** B2 /deːɐ̯ ˈʃnɪt/ số nhiều die Schnitte	Dựng phim	B1–B2
146	**die Montage** B1 /diː mɔnˈtaːʒə/ số nhiều die Montagen	Dựng ghép	B1–B2
147	**die Mikrotransaktion** C1 /diː ˈmiːkʁotʁansʔakˌtsi̯oːn/ số nhiều die Mikrotransaktionen	Giao dịch vi mô	B1–B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: https://languageminute.com/vi/learn/de/topic/112-giai-tri
German Minute: https://apps.apple.com/app/id6749515334